

*Cẩm Khê, ngày 18 tháng 8 năm 2020*

Số: 106/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 191/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991

Đều có địa chỉ: Khu Xóm Đ, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào điều 212; điều 213 và khoản 3 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điều 55, điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 7 điều 26, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 luật thi hành án dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2020

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Hai bên thỏa thuận anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là: Nguyễn Thị Trà M- sinh ngày 01/12/2009 và Nguyễn Thị Phương U- sinh ngày 13/02/2012, chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con

chung là: Nguyễn Thị Tường V- sinh ngày 04/10/2014. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

2.2. *Về tài sản chung; quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức:* Anh T và chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. *Về án phí:* Anh Nguyễn Văn T xin chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp tại biên lai thu tiền số 0003707 ngày 04/8/2020, của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Anh T được hoàn trả lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- THADS huyện Cẩm Khê;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**THẨM PHÁN**

**Ninh Thị Hồng**